

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Trà Vinh, ngày 08 tháng 12 năm 2017

QUYẾT
hiển kinh tế - xã hội
h năm 2018

ÂN TỈNH TRÀ VINH
Ỗ HỌP THỨ 6

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Sau khi nghe báo cáo của UBND tỉnh, báo cáo của các ngành chức năng, báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất với báo cáo của UBND tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017, với nội dung đánh giá khái quát như sau:

Năm 2017 là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X và Nghị quyết số 13/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020. Mặc dù còn nhiều khó khăn do thiên tai, biến đổi khí hậu, năng lực cạnh tranh, giá cả, thị trường nhưng với sự quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân trong tỉnh, kinh tế - xã hội phát triển khá ổn định, tăng trưởng (GRDP) đạt kế hoạch sau nhiều năm liên tiếp gặp khó khăn; nông nghiệp phát huy và tăng cao hơn cùng kỳ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh; thu nội địa tăng khá, nhiều khoản thu tăng so với cùng kỳ và vượt dự toán năm; huy động vốn và cho vay của các tổ chức tín dụng tiếp tục phát triển, nợ xấu chiếm tỷ lệ thấp; công tác xúc tiến đầu tư được tăng cường, đổi mới; thu hút đầu tư đạt kết quả khả quan; giáo dục - đào tạo tiếp tục được quan tâm, chất lượng đi vào chiều sâu, an sinh xã hội được đảm bảo; đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động đạt mục tiêu, kế hoạch; chăm sóc sức khỏe nhân dân được tăng cường; văn hóa, thể thao có bước phát triển; công tác quản lý tài nguyên, môi trường được chú trọng, công tác thông tin, truyền thông được triển khai kịp thời đến các tầng lớp nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên nhìn chung vẫn còn một số tồn tại, hạn chế: Nông nghiệp phát triển chưa bền vững, tái cơ cấu, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp tuy đúng hướng nhưng còn chậm; sản xuất nông nghiệp còn nhỏ lẻ, manh mún, chưa gắn kết nhiều với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ nên tình trạng được mùa mất giá còn xảy ra; quản lý quy hoạch sản xuất nông nghiệp thiếu chặt chẽ; công tác kiểm soát, quản lý vật tư đầu vào, cây con, giống, ... còn một số mặt hạn chế; việc triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp còn chậm.

Công nghiệp phát triển mạnh nhưng đóng góp của ngành điện chiếm tỷ trọng lớn, hàng công nghiệp chưa đa dạng chủng loại, chất lượng, sức cạnh tranh còn thấp, phát triển thiếu bền vững; dịch vụ tăng trưởng không đạt kế hoạch; phát triển du lịch chưa ngang tầm với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Thực hiện cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư chưa đồng bộ. Tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản còn chậm, nhất là Dự án Thoát nước và xử lý nước thải thành phố Trà Vinh gây ảnh hưởng đến việc đi lại, sản xuất kinh doanh và mỹ quan đô thị; một số HTX sau chuyển đổi hoạt động còn hạn chế, HTX điểm còn nhiều tiêu chí chưa đạt. Quản lý đất công chưa chặt chẽ. Việc nhân rộng các dự án ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn sản xuất, đời sống còn chậm. Quản lý nhà nước về văn hóa - xã hội một số lĩnh vực còn hạn chế; dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng có chiều hướng gia tăng; tình trạng khiếu kiện đông người, vượt cấp có xu hướng ngày càng tăng.

Điều 2. HĐND tỉnh thống nhất các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 đề ra trong báo cáo của UBND tỉnh; đồng thời đề nghị UBND tỉnh tập trung tổ chức thực hiện tốt một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế (GRDP). Tập trung cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, chủ động thu hút, huy động các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng tạo đột phá trong huy động và hấp thụ nhanh các nguồn lực đầu tư phát triển; nâng cao hiệu quả kinh tế hợp tác; đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; nâng cao tính chủ động ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội; thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; chủ động và tích cực tham gia hoạt động liên kết phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2018

2.1. Các chỉ tiêu kinh tế

- Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tăng 12% so với năm 2017.
- Tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội khoảng 22.000 tỷ đồng, chiếm 47,2% GRDP.
- Thu nội địa 3.447 tỷ đồng tăng 19,7% so với dự toán năm 2017.

2.2. Các chỉ tiêu xã hội

- Tỷ lệ học sinh đi học; trong đó:
 - + Trong độ tuổi: TH: 99,9%; THCS: 98,5%; THPT: 72%.
 - + Đúng tuổi: cấp TH: 98,5%; THCS: 90%; THPT: 65%.

- Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều) giảm bình quân 2%; trong vùng có đông đồng bào dân tộc Khmer giảm 3%.
- Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 3%.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 57%; trong đó: tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo 29%; tạo việc làm mới 22.000 lao động.
- Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường trạm y tế xã) đạt 21 giường; 7,3 Bác sỹ/vạn dân.
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12%.
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,15% dân số trở lên.
- Tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt 98,87%.
- Công nhận ít nhất 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

2.3. Các chỉ tiêu môi trường

- Tỷ lệ khu công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.
- Chất thải nguy hại được xử lý đạt 98,5%.
- Tỷ lệ che phủ rừng đạt khoảng 4,1% diện tích tự nhiên và 55% diện tích quy hoạch.
- Tỷ lệ cung cấp nước hợp vệ sinh cho dân số nông thôn đạt 91%.
- Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 94%.

2.4. Các chỉ tiêu quốc phòng - an ninh

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Có 100% cơ quan, đơn vị vững mạnh về an ninh, trật tự.
- Có 95% xã, phường, thị trấn trở lên vững mạnh về quốc phòng - an ninh

3. Về các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

3.1. Tập trung triển khai quyết liệt tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; đẩy mạnh phát triển nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sinh học và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang làm kinh tế nông nghiệp, từ số lượng sang chất lượng gắn với chuỗi giá trị, chú trọng công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ gắn với phát triển kinh tế nông nghiệp; sản xuất theo hướng “*thuận thiên*”, thích nghi với biến đổi khí hậu trên cơ sở khai thác các tiềm năng do biến đổi khí hậu mang lại và thế mạnh của 03 tiểu vùng ngọt - lợ - mặn; tập trung thực hiện tốt Chương trình hành động số 16-CTr/TU ngày 24/3/2008 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 09 Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) “*Về Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*”, ưu tiên phát triển kinh tế biển, phấn đấu đưa kinh tế của tỉnh phát triển mạnh, làm giàu từ biển và vùng ven biển, cải thiện đời sống, nâng cao thu nhập nhân dân vùng biển, ven biển; nâng cao chất lượng hoạt động các hợp tác xã, nhất là các hợp tác xã kiểu mới, phấn đấu mỗi xã, phường thị trấn có ít nhất 01 HTX; không còn HTX yếu kém, có trên 70% HTX

đạt tiêu chí HTX kiểu mới; tăng cường nghiên cứu đưa các khoa học công nghệ vào ứng dụng trong sản xuất, nhất là công nghệ về giống, tưới tiêu, công cụ, kỹ thuật sản xuất,... để sản xuất ra sản phẩm nông nghiệp đặc thù, chất lượng cao tiến tới phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, nông nghiệp xanh. Phân đầu phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm chủ lực.

Nâng cao trách nhiệm của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia; tăng cường vai trò của hệ thống chính trị ở cơ sở trong huy động nguồn lực gắn với phát huy tinh thần và nội lực của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; quan tâm hơn nữa công tác tuyên truyền để người dân thấy được vai trò chủ thể và là người hưởng thụ trong xây dựng nông thôn mới; phần đầu có 70% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn hộ nông thôn mới, 50% áp đạt tiêu chuẩn ấp nông thôn mới. Huy động các nguồn lực đầu tư sản xuất kinh doanh nước sạch, phần đầu số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt 63,1%. Động viên, khen thưởng kịp thời những mô hình sản xuất hiệu quả, cách làm hay, những tổ chức, cá nhân tiêu biểu; đồng thời tổ chức công nhận lại các xã đã đạt chuẩn theo bộ tiêu chí mới ban hành kèm theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

3.2. Tiếp tục huy động nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; triển khai đồng bộ các chính sách ưu đãi đầu tư; rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi đầu tư; tích cực mời gọi đầu tư hạ tầng Khu Kinh tế và các Khu, Cụm công nghiệp theo quy hoạch để thu hút đầu tư. Tập trung theo dõi, đôn đốc và hỗ trợ các chủ đầu tư sớm triển khai các dự án đã được cấp phép, đồng thời kiên quyết thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với những dự án chậm triển khai để cấp cho các nhà đầu tư khác. Thường xuyên theo dõi kịp thời hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển sản xuất kinh doanh ổn định, hiệu quả.

Rà soát cơ cấu lại đầu tư công, tập trung nguồn lực xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện xã hội hóa, huy động nhiều nguồn lực xã hội đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công; ưu tiên đầu tư cho các công trình giao thông; xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, đầu tư phát triển cơ sở vật chất các ngành giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, du lịch, thông tin và truyền thông,... và các phúc lợi xã hội khác, nhất là các công trình trọng tâm có khả năng thu hồi vốn theo hình thức đầu tư công tư (PPP); phát triển 01 cụm công nghiệp tập trung.

3.3. Đẩy nhanh tiến độ triển khai Đề án tái cơ cấu ngành công thương, tập trung vào phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến gắn với phát triển nguồn nguyên liệu nông, lâm, thủy sản. Đẩy mạnh phát triển các ngành lĩnh vực dịch vụ có lợi thế, có giá trị gia tăng cao như: du lịch, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng,... Phát triển các loại thị trường bất động sản, thị trường lao động và thị trường khoa học công nghệ. Mở rộng hệ thống phân phối và thị trường tiêu thụ trong và nước ngoài. Rà soát chấn chỉnh lại công tác quy hoạch, cơ cấu lại các ngành và các vùng theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, gắn với đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế. Hoàn chỉnh điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; triển khai quy hoạch mới phát triển

kinh tế - xã hội huyện Duyên Hải và thị xã Duyên Hải; tổ chức rà soát, đánh giá lại các quy hoạch ngành, lĩnh vực để kịp thời điều chỉnh và chuẩn bị cho việc lập quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030.

Tăng cường thu hút, khuyến khích đầu tư mới và nâng cấp chợ, nhất là chợ nông thôn và phát triển hệ thống phân phối, bán lẻ. Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến thương mại, thông tin, dự báo thị trường và thực hiện tốt chương trình hỗ trợ kết nối cung - cầu, liên kết thị trường để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa. Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, kiểm soát để ổn định thị trường và các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và quản lý chặt chẽ bán hàng đa cấp.

3.4. Tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; nhất là nâng cao hiệu quả các hoạt động trong Chương trình khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp, hoạt động của Hiệp hội Doanh nghiệp, phát huy hơn nữa vai trò của Doanh nhân tham gia phát triển kinh tế - xã hội và trách nhiệm với cộng đồng; phấn đấu phát triển mới trên 500 doanh nghiệp, kéo giảm tỷ lệ doanh nghiệp giải thể, thu hồi so với số đăng ký mới dưới 50%. Khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, ứng dụng khoa học công nghệ mới vào sản xuất để gia tăng giá trị sản phẩm, hàng hóa, giảm giá thành và nâng cao sức cạnh tranh. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia/quốc tế, phát triển thương hiệu. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác và nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho doanh nghiệp về các quy định quốc tế, chính sách thương mại của các nước và quy định của nhà nước về xuất nhập khẩu, rào cản thương mại, bán phá giá,... khi tham gia thị trường quốc tế.

3.5. Quản lý, nuôi dưỡng nguồn thu và chống thất thu thuế gắn với cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế. Điều hành chi ngân sách đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả. Tập trung triển khai thực hiện kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2018 - 2020. Đồng thời, tăng cường thanh tra, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản nhà nước và xử lý kịp thời những trường hợp sai phạm.

Điều hành hoạt động tín dụng, ngân hàng phát triển ổn định, an toàn và hiệu quả. Ngành Ngân hàng tích cực hỗ trợ các chương trình, đề án tái cơ cấu kinh tế, nhất là lĩnh vực nông nghiệp nông thôn và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; thực hiện hiệu quả chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp, đặc biệt là đồng hành, hỗ trợ Chương trình khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp mang lại hiệu quả thiết thực.

3.6. Tiếp tục triển khai có hiệu quả các Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP ngày 06/02/2017; Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ và Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 03/11/2016, Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 03/11/2016 của Tỉnh ủy về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh và tăng cường công tác xúc tiến đầu tư mời gọi đầu tư; phấn đấu nâng mức xếp hạng chỉ số PCI của

tính lên ít nhất 10 bậc so với năm 2016. Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện tốt Quy chế phối hợp nhằm giải quyết kịp thời các thủ tục đầu tư trên địa bàn và triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết HĐND tỉnh ban hành về các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và các cơ chế, chính sách ưu đãi hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa trên địa bàn tỉnh thúc đẩy các ngành, lĩnh vực phát triển. Xây dựng và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Ban Chấp hành Trung ương và Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, bình đẳng nhằm hỗ trợ thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, nhất là hoàn thiện và triển khai các hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh.

3.7. Quản lý, sử dụng đất đai hợp lý và hiệu quả theo các quy hoạch/kế hoạch sử dụng đã được phê duyệt; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc quản lý sử dụng đất công, đất bãi bồi, đất xây dựng. Xử lý dứt điểm công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và công tác cấp đổi giấy chứng nhận. Quản lý chặt chẽ và khai thác hiệu quả nguồn cát sông và quan tâm bảo vệ nguồn nước ngầm; đồng thời kiên quyết và xử lý nghiêm các vi phạm. Đề cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường; nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về tài nguyên, môi trường. Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU ngày 28/12/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh gắn với Nghị định số 155/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 của Chính phủ.

3.8. Tập trung phát triển văn hóa - xã hội

- Tập trung triển khai đồng bộ, có hiệu quả các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện ở các cấp học, đặc biệt là đối với giáo dục vùng dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, tiến tới thực hiện phổ cập giáo dục bậc trung học và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 79%. Thực hiện có hiệu quả kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh. Tiếp tục đổi mới về cơ chế quản lý giáo dục, phương pháp dạy và học, có giải pháp khắc phục và giảm tỷ lệ học sinh bỏ học. Tiếp tục rà soát sắp xếp lại quy hoạch mạng lưới trường học và các cơ sở đào tạo nghề phù hợp Quy hoạch phát triển nguồn nhân lực tỉnh Trà Vinh đến năm 2020; Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 *“Về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập”*. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn giải quyết việc làm và nhu cầu xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, hoạt động dạy thêm, học thêm. Tiếp tục khuyến khích xã hội hóa giáo dục.

- Ứng dụng hiệu quả tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện tốt công tác bồi dưỡng, đào tạo, sử dụng và phát huy vai trò của đội ngũ khoa học công nghệ, chuyên gia giỏi trong lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế của tỉnh, tạo ra bước đột phá cho tăng trưởng kinh tế. Chú trọng phổ biến kiến thức, phát động phong trào lao động sáng tạo trong nhân dân, chung tay đưa tiến bộ khoa

học - kỹ thuật vào sản xuất và cuộc sống, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội. Quan tâm đầu tư, nâng cao tiềm lực khoa học công nghệ; huy động sự đóng góp của xã hội và khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức dành một phần lợi nhuận cho phát triển khoa học công nghệ, nhằm tạo ra “*xung lực*” mới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Thực hiện tốt bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ; tăng cường thanh, kiểm tra về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và sở hữu công nghiệp, an toàn bức xạ.

- Bảo đảm an sinh xã hội và chăm lo đời sống nhân dân; triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững. Thực hiện đầy đủ các chính sách trợ giúp xã hội, ưu đãi người có công; chính sách giải quyết việc làm gắn với phát triển thị trường lao động, ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu lao động. Thực hiện chương trình phát triển nhà ở xã hội, nhất là nhà ở cho công nhân. Quản lý chặt chẽ lao động là người nước ngoài làm việc tại tỉnh. Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; tập trung đào tạo lại nguồn nhân lực để thích ứng với công nghệ 4.0. Thực hiện tốt chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động; theo dõi chặt chẽ và phối hợp giải quyết kịp thời các trường hợp đình công, lãn công. Triển khai thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo; khuyến khích người nghèo phát triển sinh kế thông qua các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo bền vững; nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số; tập trung thực hiện một số giải pháp để thực hiện một số chỉ tiêu thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đối với đồng bào dân tộc thiểu số gắn với mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015.

- Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 “*Về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới*” và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 “*Về công tác dân số trong tình hình mới*”. Nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân, chú trọng chăm sóc sức khỏe ban đầu; hoàn thiện hệ thống cảnh báo dịch; chủ động phòng, chống dịch bệnh, giảm dân tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm; cải tiến quy trình khám, chữa bệnh và thủ tục bảo hiểm y tế...; thực hiện tốt quy tắc ứng xử và nâng cao đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ y, bác sĩ; đồng thời chấn chỉnh hoạt động xã hội hóa cơ sở y tế công lập, phát triển hệ thống y tế ngoài công lập. Tăng cường kiểm tra, giám sát an toàn vệ sinh thực phẩm, hành nghề y dược; kiểm soát chặt chẽ giá cả và chất lượng thuốc y tế. Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng, mua sắm thiết bị ngành y tế, đào tạo nhân lực phù hợp, kịp thời để sớm đưa vào sử dụng phục vụ nhân dân. Tăng cường công tác phối hợp trong việc vận động cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng và thực hiện tốt công tác quản lý học viên tại cơ sở cai nghiện ma túy.

- Tiếp tục nâng chất phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá*”, danh hiệu cơ quan, gia đình văn hóa gắn với xây dựng xã văn hóa nông thôn mới. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống trong gia đình, nhân rộng mô hình câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình. Thực hiện tốt cuộc

vận động “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”; tổ chức chu đáo các giải thể thao cấp tỉnh và phối hợp tổ chức tốt các giải thể thao cấp khu vực, toàn quốc. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa các hoạt động văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí trên địa bàn tỉnh.

3.9. Đẩy mạnh triển khai các biện pháp triển khai thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 và Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện nghiêm các văn bản pháp luật về cải cách hành chính, trọng tâm là đơn giản hoá thủ tục hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính, rà soát, bãi bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp; phấn đấu xếp hạng chỉ số cải cách hành chính từ 40 - 45. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước. Xây dựng chính quyền phục vụ, tập trung vào tăng cường công khai minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

- Triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 “*Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả*”. Thực hiện tốt kế hoạch thi tuyển công chức và thi tuyển chức danh lãnh đạo, quản lý theo nguyên tắc cạnh tranh. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Đổi mới cơ chế quản lý, cơ chế tài chính và sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh. Tiếp tục thực hiện tinh giảm biên chế theo Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 06/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Nâng cao tinh thần trách nhiệm, xây dựng chính quyền liêm chính, kiến tạo phát triển, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

3.10. Tăng cường thực hiện liên kết phát triển kinh tế - xã hội theo Quyết định số 593/QĐ-TTg ngày 06/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế so sánh của địa phương trên các lĩnh vực; duy trì mối liên kết chặt chẽ với thành phố Hồ Chí Minh và Cần Thơ, triển khai xây dựng Đề án liên kết tiểu vùng Duyên hải phía Đông đồng bằng sông Cửu Long, giữa 4 tỉnh: Bến Tre - Trà Vinh - Vĩnh Long - Tiền Giang; phối hợp thực hiện tốt Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển kinh tế - xã hội.

3.11. Tập trung giữ vững quốc phòng - an ninh và chủ quyền biên giới biển; tiếp tục xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân vững chắc gắn với thế trận an ninh nhân dân; hoàn thành tốt chỉ tiêu huấn luyện và chỉ tiêu giao quân hàng năm. Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phòng ngừa vi phạm pháp luật, kiểm chế tội phạm, giảm các vụ trọng án; xây dựng xã hội an toàn, lành mạnh. Tăng cường công tác bảo vệ bí mật nhà nước, an ninh, an toàn thông tin mạng. Tiếp tục thực hiện đồng bộ các biện pháp để ngăn chặn các hành vi vi phạm luật giao thông, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn giao thông. Tăng cường công tác tập huấn, kiểm tra phòng chống cháy nổ; thực hiện có hiệu quả công tác tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế.

3.12. Tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm; đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể và có biện pháp bảo vệ, khen thưởng kịp thời người có thành tích trong việc phát hiện, tố cáo tham nhũng. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, chủ động nắm tình hình và giải quyết kịp thời các khiếu nại, tố cáo mới phát sinh ngay tại cơ sở nhằm hạn chế khiếu kiện đông người, vượt cấp, phức tạp, kéo dài; tăng cường phổ biến, giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hiện tốt pháp luật về hòa giải cơ sở. Đồng thời, tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp trong điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến mọi tầng lớp nhân dân nhằm tạo sự đồng thuận cao trong xã hội, góp phần đưa chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh chỉ đạo các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao triển khai, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết, thông tin những nội dung cần thiết đến cử tri trong tỉnh.

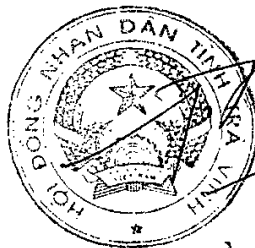
3. Đề nghị UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên của Mặt trận tăng cường công tác giám sát, phản biện xã hội; tích cực vận động mọi tầng lớp nhân dân thực hiện tốt Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 của HĐND tỉnh, góp phần hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch 5 năm 2016 - 2020.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Trà Vinh khóa IX - kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 08/12/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ;
- VPQH, VPCP;
- Các Bộ: Tư pháp, KH&ĐT, Tài chính;
- TT. TU, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: TP, KH&ĐT, TC, Cục Thống kê tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Văn phòng: HĐND, UBND tỉnh;
- Đài PT-TH, Báo TV;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Website Chính phủ;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH



Trần Trí Dũng